Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8541.41.00

Mã HS	8541.41.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị bán dẫn (ví dụ, đi-ốt, bóng bán dẫn (tranzito), bộ chuyển đổi dựa trên chất bán dẫn); thiết bị bán dẫn cảm quang, kể cả tế bào quang điện đã hoặc chưa lắp ráp thành các mảng mô-đun hoặc thành bảng; đi-ốt phát quang (LED), đã hoặc chưa lắp ráp với đi-ốt phát quang (LED) khác; tinh thể áp điện đã lắp ráp / - Thiết bị bán dẫn cảm quang, kể cả tế bào quang điện đã hoặc chưa lắp ráp thành các mảng mô-đun hoặc thành bảng; đi-ốt phát quang (LED): / - - Đi-ốt phát quang (LED)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 17:52:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85414100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15981
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15981
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15981
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15325
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15254
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15254
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15254
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15254
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15254
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15254
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15310
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15310
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15310
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15310

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15310
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15310
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15311
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15311
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15311
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15311
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15311
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15311
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15312
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15260
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15268
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15268
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15268
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15268
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15268
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15268
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15308
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15308
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15308
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15308
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15308
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15308
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15370
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15370
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15370
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15370

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15370
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15370
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15344
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15344
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15344
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15344
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15344
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15344
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D15347
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E15347
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F15347
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G15347
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H15347
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I15347
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15353
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15353
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15353
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15353
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15353
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15353
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15352
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15352
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15352
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15352
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15352
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15352

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15341
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15341
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15341
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15341
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15341
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15341
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15341
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15335
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15335
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15335
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15335
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15335
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15335
RCEP B	2022	2022	0	B!D15335
RCEP B	2023	2023	0	B!E15335
RCEP B	2024	2024	0	B!F15335
RCEP B	2025	2025	0	B!G15335
RCEP B	2026	2026	0	B!H15335
RCEP B	2027	2027	0	B!I15335
RCEP C	2022	2022	0	C!D15335
RCEP C	2023	2023	0	C!E15335
RCEP C	2024	2024	0	C!F15335
RCEP C	2025	2025	0	C!G15335
RCEP C	2026	2026	0	C!H15335
RCEP C	2027	2027	0	C!I15335
RCEP D	2022	2022	0	D!D15334

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15334
RCEP D	2024	2024	0	D!F15334
RCEP D	2025	2025	0	D!G15334
RCEP D	2026	2026	0	D!H15334
RCEP D	2027	2027	0	D!I15334
RCEP E	2022	2022	0	E!D15338
RCEP E	2023	2023	0	E!E15338
RCEP E	2024	2024	0	E!F15338
RCEP E	2025	2025	0	E!G15338
RCEP E	2026	2026	0	E!H15338
RCEP E	2027	2027	0	E!I15338
RCEP F	2022	2022	0	F!D15335
RCEP F	2023	2023	0	F!E15335
RCEP F	2024	2024	0	F!F15335
RCEP F	2025	2025	0	F!G15335
RCEP F	2026	2026	0	F!H15335
RCEP F	2027	2027	0	F!I15335
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14302
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14302
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14302
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14302

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8541.41.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8541.41.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8541.41.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8541.41.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15981), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.